

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-ST

Ngày: 28-02-2018.

“V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Hai.

Ông Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2017/TLST-DS, ngày 13/12/2017, “V/v tranh chấp hợp đồng dân sự hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐST-DS ngày 16/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2018/QĐST-DS ngày 05/02/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958. (Có mặt)

Địa chỉ: 486, ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thủy C, sinh năm 1993. (Có mặt)

Địa chỉ: 288/3 ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/11/2017, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày: Nguyễn Thị N có tham gia đây hội với tư cách là hội viên do Nguyễn Thị Thủy C làm chủ hội như sau:

Dây 1: Hội mở ngày 20/7al/2015, giá hội 1.000.000 đồng/tháng, có 36 phần, bà N tham gia 01 phần. hội mãn ngày 20/8/al/2018. Bà N đóng được 26 lần với số tiền là $26 \times 800.000 \text{ đồng} = 20.800.000 \text{ đồng}$.

Dây 2: Hội mở ngày 15/9al/2016, giá hội 2.000.000 đồng/tháng, có 26 phần, bà N tham gia 01 phần. Hội mãn ngày 15/9al/2018. Bà N đóng được 12 lần $\times 1.700.000 \text{ đồng} = 20.400.000 \text{ đồng}$.

Dây 3: Hội mở ngày 06/4al/2017, giá hội 1.000.000 đồng/tháng, có 24 phần, bà N tham gia 01 phần. Hội mãn ngày 20/5al/2018. Bà N đóng được 05 lần $\times 800.000 \text{ đồng} = 4.000.000 \text{ đồng}$.

Dây hội 4: Hội mở ngày 06/7al/2017, giá hội 100.000đồng/, ngày, có 60 phần, bà N tham gia 05 phần. Hội mãn ngày 06/9al/2017. Bà N đóng được 20 lần $\times 90.000 \text{ đồng} = 9.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng các dây hội trên chị C còn nợ lại bà N là 54.200.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị N rút một phần yêu cầu đối với chị Nguyễn Thị Thủy C bà N chỉ yêu cầu chị C trả cho bà N vốn hội là 39.845.000 đồng, số tiền còn lại bà N bớt cho chị C. Tại đơn yêu cầu để thay đổi ý kiến ngày 15/01/2018 bà N yêu cầu chị C trả cho bà N vốn hội là 39.845.000 đồng, bà N yêu cầu chị C phải trả cho bà N mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi xong nợ. Tại phiên tòa bà N vẫn giữ yêu cầu là yêu cầu chị C có trách nhiệm trả số tiền hội là 39.845.000 đồng, chị C phải có trách nhiệm trả một lần là 10.000.000 đồng cho bà N đến khi trả xong số vốn hội trên.

Bà N không yêu cầu lãi đối với số tiền 39.845.000 đồng cũng như lãi của các dây hội trên. Chỉ yêu cầu trả vốn hội là 39.845.000 đồng.

Trong văn bản ý kiến ngày 02/01/2018, biên bản hòa giải ngày 11/01/2018 và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị Thủy C trình bày:

Nguyễn Thị Thủy C thừa nhận có tham gia chơi hội với Nguyễn Thị N với tư cách là chủ hội cụ thể như sau:

Dây 1: Hội mở ngày 20/7al/2015, giá hội 1.000.000 đồng/tháng, có 36 phần, bà N tham gia 01 phần. hội mãn ngày 20/8/al/2018. Bà N đóng được 2 lần với số tiền là 13.575.000 đồng.

Dây 2: Hội mở ngày 15/9al/2016, giá hội 2.000.000 đồng/tháng, có 26 phần, bà N tham gia 01 phần. Hội mãn ngày 15/9al/2018. Bà N đóng được 12 lần là 13.990.000 đồng.

Dây 3: Hội mở ngày 06/4al/2017, giá hội 1.000.000 đồng/tháng, có 24 phần, bà N tham gia 01 phần. Hội mãn ngày 20/5al/2018. Bà N đóng được 6 lần là 3.280.000 đồng.

Dây hội 4: Hội mở ngày 06/7a1/2017, giá hội 100.000đồng/, ngày, có 60 phần, bà N tham gia 05 phần. Hội mãi ngày 06/9a1/2017. Bà N đóng được 20 lần x 90.000 đồng = 9.000.000 đồng.

Tổng số tiền chị C còn thiếu lại bà N là 39.845.000 đồng.

Nay Nguyễn Thị N yêu cầu Nguyễn Thị Thủy C trả vốn hội là 39.845.000đ. Nguyễn Thị Thủy C đồng ý trả cho Nguyễn Thị N 39.845.000đ. Còn bà N yêu cầu chị C phải trả một lần là 10.000.000 đồng trả cho đến khi hết vốn hội trên thì chị C không đồng ý bởi vì chị C cho rằng hiện nay chị C có hoàn cảnh khó khăn còn phải lo lắng cho gia đình cho nên chị C xin trả dần tùy vào khả năng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét, bị đơn Nguyễn Thị Thủy C có địa chỉ cư trú tại 288/3 ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, việc bà Nguyễn Thị N yêu cầu Nguyễn Thị Thủy C trả tiền vốn hội của tổng các dây hội là 39.845.000đồng, không yêu cầu lãi, tại phiên tòa bà N yêu cầu chị C phải trả số tiền trên một lần là 10.000.000đồng trả cho đến khi trả xong vốn nợ hội trên. Yêu cầu của bà N được chị C đồng ý một phần, chị C thừa nhận có chơi hội với bà N với tư cách là chủ hội còn bà N là hội viên nay bà N yêu cầu chị C trả cho bà N vốn hội của các dây hội trên là 39.845.000đồng chị C đồng ý trả cho bà N. Nhưng còn phần bà N yêu cầu chị C trả mỗi lần 10.000.000 đồng trả cho đến khi hết vốn hội trên, chị C không đồng ý chị C xin trả dần tùy vào khả năng. Xét việc bà N yêu cầu chị C trả vốn hội là 39.845.000 đồng được chị C tự nguyện đồng ý trả. Do đó đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận. Còn đối với yêu cầu của bà N yêu cầu chị C phải có nghĩa vụ trả tiền mỗi lần trả là 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 39.845.000 đồng. Hội đồng xét xử xét yêu cầu của bà N không đúng pháp luật và chị C cũng không đồng ý với yêu cầu này. Do đó Hội đồng xét xử chỉ tuyên buộc chị C phải có nghĩa vụ trả cho chị N vốn hội là 39.845.000 đồng là có căn cứ phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự 2015, Nghị định về họ, hội, biểu, phường số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2016 của Chính Phủ.

Bà N rút một phần yêu cầu đối với phần vốn hụi là 14.355.000 đồng nên đình chỉ phần này theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với lãi suất của số tiền 39.845.000 đồng và cũng như lãi của các dây hụi bà N tham gia với chị C bà N khẳng định không yêu cầu lãi chỉ yêu cầu phần vốn của các dây hụi trên là 39.845.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần lãi.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị N được chấp nhận, cho nên bị đơn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357 và 471, Điều 468 Bộ Luật dân sự, Điều 91, Điều 147, Khoản 2 Điều 244, Bộ luật tố tụng dân. Điều 30 Nghị định về họ, hụi, biêu, phường số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2016 của Chính Phủ, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Nguyễn Thị Thủy C phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vốn 39.845.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả số tiền 39.845.000 đồng thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị N đối với số tiền 14.355.000 đồng.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Nguyễn Thị Thủy C phải chịu 1.992.250 đồng (Một triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N 1.355.000 đồng (Một triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 00878, ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/02/2018).

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, (Nh.08b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Hoa Lư